

Số: /2026/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng,
nguồn nhân lực chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 248/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để thực hiện đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 261/2025/QH15 của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá cho công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 179/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 170/2025/NĐ-CP của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 249/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định về chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng, nguồn nhân lực chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra số /BC-BPC ngày tháng năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định về chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng, nguồn nhân lực chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính thu hút, trọng dụng người có tài năng, nguồn nhân lực chất lượng cao vào làm việc trong hệ thống chính trị của tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sinh viên tốt nghiệp loại xuất sắc.
2. Những người có học hàm, học vị: Thạc sĩ, bác sĩ chuyên khoa cấp I, dược sĩ chuyên khoa cấp I chuyên ngành y học, dược học, bác sĩ nội trú (sau đây gọi là Thạc sĩ và tương đương); Tiến sĩ, Bác sĩ chuyên khoa cấp II, dược sĩ chuyên khoa cấp II chuyên ngành y học, dược học (sau đây gọi là Tiến sĩ và tương đương); Giáo sư, Phó giáo sư.
3. Cán bộ, công chức, viên chức (sau đây gọi chung là cán bộ) có năng lực nổi trội, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, công vụ.
4. Nhà quản lý, chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, người có tài năng đang làm việc ở các lĩnh vực, khu vực, địa bàn khác mà tỉnh có nhu cầu thu hút.
5. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Bảo đảm quy định của pháp luật, công khai, minh bạch, khách quan, công bằng trong quá trình thực hiện chính sách.
2. Người được thu hút phải có lý lịch rõ ràng, bảo đảm có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực, trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm cần thu hút và không trong thời gian bị kỷ luật hoặc đang bị điều tra, truy tố, xét xử.
3. Các mức hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này không dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và không làm căn cứ để tính các chế độ, phụ cấp khác.
4. Cam kết phục vụ tại cơ quan, đơn vị, địa phương sau khi được tuyển dụng, tiếp nhận: tối thiểu từ 10 năm trở lên đối với sinh viên tốt nghiệp loại xuất sắc, thạc sĩ, Tiến sĩ và tương đương; tối thiểu 05 năm đối với Phó Giáo sư, Giáo sư và không tính thời gian nghỉ không hưởng chính sách theo quy định tại điểm h khoản này.
5. Tuổi đời thực hiện thu hút đối với người có trình độ: Sinh viên tốt nghiệp loại xuất sắc không quá 25 tuổi; thạc sĩ và tương đương không quá 30 tuổi; Tiến sĩ và tương đương không quá 40 tuổi; Phó Giáo sư không quá 50 tuổi; Giáo sư không quá 55 tuổi. Trường hợp đặc biệt tuổi đời có thể cao hơn quy định nêu trên nhưng tối đa không quá 5 tuổi và do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.
6. Không áp dụng chính sách thu hút đối với cán bộ được cấp có thẩm quyền cử đi đào tạo sau đại học trở lên theo quyết định của cấp có thẩm quyền (do đã hưởng chính sách về đào tạo).
7. Nguyên tắc khi tính cộng dồn thời gian hỗ trợ theo tháng: Nếu thời gian làm việc thực tế có lẽ dưới 10 ngày thì không tính, nếu từ đủ 10 ngày đến dưới 15 ngày được tính 1/2 tháng, từ đủ 15 ngày trở lên được tính tròn 01 tháng.
8. Các trường hợp không được hưởng chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết này:
 - a) Đang trong thời gian nghỉ thai sản, nghỉ do ốm đau hưởng chính sách Bảo hiểm xã hội;

- b) Đang bị khởi tố, tạm giữ, tạm giam chờ kết luận của cơ quan có thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử về hành vi vi phạm pháp luật; bị tạm đình chỉ công tác;
- c) Đang tham gia đào tạo, bồi dưỡng tập trung từ 01 tháng trở lên.
- d) Thời gian được cơ quan, đơn vị chủ quản cho phép nghỉ việc không hưởng lương; cho phép tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng theo hình thức tập trung từ 1 tháng trở lên trong quá trình làm việc cho tỉnh theo cam kết.

9. Trường hợp đối tượng áp dụng chính sách quy định tại Nghị quyết này đồng thời thuộc đối tượng áp dụng chính sách cùng loại quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác thì chỉ được hưởng một mức cao nhất của chính sách đó.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ CHÍNH SÁCH THU HÚT, TRỌNG DỤNG NGƯỜI CÓ TÀI NĂNG, NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO

Điều 4. Phân vùng và lĩnh vực ưu tiên thu hút

1. Vùng 1 (vùng động lực) gồm các khu vực: Trấn Biên, Biên Hòa, Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom, Bình Phước, Đồng Xoài, Phước Bình, Chơn Thành, Bình Long.

Ưu tiên thu hút các lĩnh vực: Công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI), công nghiệp công nghệ cao, công nghệ hàng không, Logistics, tài chính quốc tế, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số, y tế kỹ thuật cao.

2. Vùng 2 (vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, có mức phụ cấp khu vực từ 0,3 đến 0,7) gồm các khu vực: Đăk Ô, Bù Gia Mập, Đăk Nhay, Đăk Lua, Bom Bo, Thọ Sơn, Nam Cát Tiên, Phú Lý, Phước Sơn, Thanh Sơn, Tà Lài, Phú Nghĩa, Đa Kia, Bù Đăng, Nghĩa Trung.

Ưu tiên thu hút các lĩnh vực: Y tế cơ sở, giáo dục, nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ sinh học, công tác dân tộc và tôn giáo.

3. Vùng 3 (các khu vực còn lại, có mức phụ cấp khu vực từ 0,2 trở xuống).

Ưu tiên thu hút các lĩnh vực theo nhu cầu thực tế thật sự cần thiết của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 5. Chính sách hỗ trợ một lần

1. Đối tượng và điều kiện áp dụng

Các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị quyết này sau khi được tuyển dụng, tiếp nhận và cam kết làm việc tại các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc hệ thống chính trị của tỉnh Đồng Nai đúng với ngành, nghề tỉnh cần thu hút theo từng năm, từng thời kỳ.

2. Chính sách áp dụng sau khi được tuyển dụng, tiếp nhận theo từng đối tượng như sau:

- a) Sinh viên tốt nghiệp loại giỏi, loại xuất sắc: 300 triệu đồng.
- b) Người có trình độ Thạc sĩ và tương đương: 500 triệu đồng.
- c) Người có trình độ Tiến sĩ và tương đương: 700 triệu đồng.
- d) Người đạt chuẩn chức danh Phó Giáo sư: 900 triệu đồng.
- đ) Người đạt chuẩn chức danh Giáo sư: 1.100 triệu đồng.

Điều 6. Chính sách về thu nhập

1. Ngoài việc được hưởng tiền lương, phụ cấp và các chế độ, chính sách khác theo quy định, cá nhân có đủ tiêu chuẩn, điều kiện thuộc đối tượng thu hút tại các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc hệ thống chính trị của tỉnh Đồng Nai còn được hưởng chính sách hỗ trợ về thu nhập.

Việc chi trả chính sách hỗ trợ về thu nhập của năm nào thì căn cứ vào kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng hoặc đánh giá hiệu quả công việc của năm đó và được chi trả vào năm sau liền kề, cụ thể:

a) Trường hợp đánh giá hàng năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì được hưởng 100% mức hỗ trợ về thu nhập theo mức tiền lương, phụ cấp (phụ cấp công vụ hoặc phụ ưu đãi cấp nghề) hiện hưởng.

b) Trường hợp hoàn thành tốt nhiệm vụ được hưởng 50% mức hỗ trợ về thu nhập theo mức tiền lương, phụ cấp (phụ cấp công vụ hoặc phụ ưu đãi cấp nghề) hiện hưởng.

c) Trường hợp hoàn thành nhiệm vụ trở xuống thì không được hưởng chính sách hỗ trợ về thu nhập.

2. Thời gian áp dụng:

Chính sách hỗ trợ thu nhập được áp dụng trong 05 năm. Sau thời hạn nêu trên, cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng báo cáo Hội đồng tuyển chọn người có tài năng, nguồn nhân lực chất lượng cao xem xét, quyết định gia hạn thời gian hưởng chính sách cho 05 năm tiếp theo.

Điều 7. Chính sách đặc thù đối với khu vực đặc biệt khó khăn, biên giới

Đối tượng thu hút làm việc tại các địa phương có điều đặc biệt khó khăn, biên giới, ngoài chính sách về thu nhập theo quy định tại **khoản 1 Điều 6 Nghị quyết này**, còn được hưởng thêm chính sách sinh hoạt phí, cụ thể như sau:

1. Đối với xã biên giới: Được hỗ trợ 5 triệu đồng/người/tháng;

2. Đối với xã đặc biệt khó khăn: Được hỗ trợ 3 triệu đồng/người/tháng.

Điều 8. Chính sách hỗ trợ nhà ở và đi lại

1. Trường hợp các đối tượng được thu hút từ địa phương khác đến tỉnh Đồng Nai làm việc thì được hỗ trợ đi lại cho cá nhân và gia đình với mức hỗ trợ bằng 10 triệu đồng/tháng trong thời gian công tác tại tỉnh Đồng Nai.

2. Trường hợp thu hút đến công tác tại vùng đặc biệt khó khăn, biên giới được ưu tiên bố trí nhà ở ổn định, lâu dài tại nơi công tác.

3. Trường hợp các đối tượng được thu hút có nhu cầu thuê hoặc mua nhà ở xã hội, nhà ở thương mại thì được ưu tiên thuê, mua nhà ở xã hội theo các chính sách của tỉnh với giá ưu đãi.

Hỗ trợ 100% lãi suất vay ngân hàng (thông qua Quỹ Đầu tư phát triển Đồng Nai) với hạn mức tối đa 2 tỷ đồng/người trong thời hạn 10 năm với thời hạn cam kết công tác từ 10 năm trở lên.

Điều 9. Chính sách đào tạo, bồi dưỡng

1. Sau 03 năm công tác sau khi được tuyển dụng, tiếp nhận được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nếu có nhu cầu, nguyện vọng được đào tạo trình độ cao hơn

liên kết và có cam kết làm việc cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc hệ thống chính trị của tỉnh Đồng Nai ít nhất 05 năm kể từ ngày hoàn thành chương trình đào tạo (tổng thời gian là 15 năm) thì được xem xét giải quyết cho đi đào tạo và được hỗ trợ chính sách đi đào tạo theo quy định.

2. Chính sách hỗ trợ trong đào tạo

Được hỗ trợ kinh phí đào tạo theo trình độ đào tạo, cụ thể như sau:

a) Trình độ thạc sĩ và tương đương: 300 triệu đồng.

b) Trình độ tiến sĩ và tương đương: 400 triệu đồng.

Điều 10. Chính sách ưu tiên trong tuyển dụng và công tác cán bộ

1. Người cam kết tình nguyện làm việc từ đủ 5 năm trở lên ở vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn được ưu tiên xem xét tuyển dụng vào công chức.

2. Sau 03 năm công tác sau khi được tuyển dụng, tiếp nhận được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được ưu tiên:

a) Quy hoạch, bổ trí, đề bạt, bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý phù hợp với vị trí việc làm và sở trường công tác.

b) Đối với cán bộ từ các Sở, ban, ngành cấp tỉnh chuyển về các xã có điều kiện đặc biệt khó khăn, biên giới: Được ưu tiên quy hoạch, bổ nhiệm chức vụ cao hơn so với chức danh hiện giữ.

Điều 11. Chính sách cho cán bộ khi chuyển vùng thu hút

Đối với cán bộ thu hút khi chuyển vùng công tác theo yêu cầu, nhiệm vụ và nằm trong quy hoạch, kế hoạch, đề án sử dụng cán bộ của cấp có thẩm quyền, ngoài các chính sách thu hút theo các quy định tại Nghị quyết này, còn được hưởng thêm chính sách, cụ thể như sau:

1. Chuyển từ vùng 1 sang vùng 2: Được hỗ trợ thêm 5 triệu đồng/người/tháng;

2. Chuyển từ vùng 1 sang vùng 3: Được hỗ trợ thêm 2 triệu đồng/người/tháng;

3. Chuyển từ vùng 3 sang vùng 2: Được hỗ trợ thêm 5 triệu đồng/người/tháng;

4. Từ các Sở, ban, ngành cấp tỉnh chuyển về:

a) Vùng 1: Được hỗ trợ 3 triệu đồng/người/tháng;

b) Vùng 2: Được hỗ trợ 5 triệu đồng/người/tháng.

Điều 12. Chính sách tôn vinh, khen thưởng

Các đối tượng quy định tại Nghị quyết này có các công trình, đề án, đề tài, giải pháp sáng tạo kỹ thuật, sáng kiến được cấp tỉnh trở lên công nhận và xếp loại xuất sắc và được áp dụng hiệu quả, thiết thực được nhân rộng trong thực tiễn thì ngoài được hưởng các chế độ theo quy định còn được thưởng 20% giá trị đem lại và tối đa không quá 300 triệu đồng/giải pháp, sáng kiến.

Điều 13. Đền bù kinh phí hỗ trợ

1. Đối với các chính sách quy định tại khoản 2 **Điều 5 Nghị quyết này**: Trong thời gian thực hiện cam kết, đối tượng được hưởng chính sách thu hút phải đền bù gấp 03 lần mức hỗ trợ đã nhận nếu vi phạm một trong các trường hợp:

a) Không chấp hành sự phân công công tác của cơ quan, đơn vị.

b) Cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ trở xuống.

c) Không thực hiện đúng cam kết do lỗi chủ quan.

d) Tự ý bỏ việc.

đ) Có hành vi vi phạm đến mức bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị kỷ luật buộc thôi việc.

e) Xin chuyển công tác ra ngoài hệ thống chính trị tỉnh Đồng Nai.

2. Đối tượng được hưởng chính sách thu hút do khách quan không làm việc đủ thời gian đã cam kết và được cấp có thẩm quyền đồng ý (trừ đối tượng quy định tại khoản 3 Điều này), phải có trách nhiệm hoàn trả kinh phí với mức tương ứng như sau:

$$\text{Mức kinh phí hoàn trả} = \frac{\text{Tổng các mức hỗ trợ đã nhận}}{\text{Số tháng cam kết làm việc tối thiểu}} \times \begin{matrix} \text{Số tháng} \\ \text{chưa làm việc} \\ \text{theo cam kết} \end{matrix}$$

3. Trường hợp đối tượng hưởng chính sách thu hút bị mất khả năng lao động, tử vong trong thời gian cam kết hưởng chính sách thu hút thì không phải hoàn trả kinh phí được hỗ trợ.

4. Đối với chính sách quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 8 Nghị quyết này:

Trường hợp không thực hiện đúng cam kết, người được hưởng chính sách phải thực hiện hoàn trả nhà ở đã được bố trí hoặc bồi hoàn 100% lãi suất vay ngân hàng do tỉnh đã hỗ trợ để mua hoặc thuê nhà ở xã hội, nhà ở thương mại.

5. Đối với chính sách quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị quyết này:

a) Trường hợp không thực hiện đúng cam kết, người được hưởng chính sách phải thực hiện việc đền bù kinh phí đào tạo theo quy định của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức sau khi cấp có thẩm quyền có quyết định đền bù chi phí đào tạo.

b) Trong thời gian thực hiện cam kết, người được hưởng chính sách nếu vi phạm kỷ luật bị xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc, phải đền bù 100% kinh phí đã được hỗ trợ sau khi quyết định xử lý kỷ luật có hiệu lực thi hành.

6. Thời hạn hoàn trả kinh phí

Thời hạn hoàn trả kinh phí cho tỉnh tối đa là 90 ngày kể từ ngày người được thu hút nhận được quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền.

7. Nếu không đền bù hoặc hoàn trả không đầy đủ theo quy định thì bị xem xét kỷ luật theo quy định của pháp luật, bị khởi kiện tại Tòa án, đồng thời cơ quan, đơn vị thông báo bằng văn bản về địa phương nơi đối tượng thu hút đăng ký hộ khẩu thường trú và thông báo đến cơ quan, đơn vị đối tượng thu hút chuyển đến công tác hoặc công khai trên phương tiện truyền thông đại chúng.

Chương III **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 14. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp do ngân sách Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên: Kinh phí thực hiện được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước của tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp do ngân sách Nhà nước bảo đảm một phần chi hoạt động thường xuyên từ 50% trở xuống: Kinh phí thực hiện do ngân sách Nhà nước hỗ trợ bằng 50% mức hỗ trợ và từ nguồn thu sự nghiệp 50%.

3. Đối với đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo toàn bộ chi hoạt động thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo toàn bộ chi hoạt động thường xuyên, đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi hoạt động thường xuyên từ 50% trở lên: Kinh phí thực hiện thu hút nguồn nhân lực do ngân sách Nhà nước hỗ trợ bằng 30%, số hỗ trợ còn lại từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị và nguồn thu hợp pháp khác (nếu có).

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Triển khai thực hiện Nghị quyết này, trong đó xác định cụ thể lĩnh vực, ngành, chuyên ngành đào tạo, cơ sở đào tạo, tiêu chí, đối tượng, số lượng người có tài năng, nguồn nhân lực chất lượng cao theo nhu cầu phát triển của tỉnh theo từng năm và giai đoạn.

b) Ban hành quy trình, hồ sơ thực hiện thu hút, tuyển chọn và thành lập Hội đồng tuyển chọn người có tài năng, nguồn nhân lực chất lượng cao, hàng năm quyết định đối tượng được hưởng chính sách; quyết định việc tiếp tục hoặc thôi áp dụng chính sách; quyết định hoặc ủy quyền việc xét đền bù kinh phí hỗ trợ.

c) Báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện Nghị quyết theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Đối với nguồn nhân lực chất lượng cao được thu hút theo quyết định của cấp có thẩm quyền trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ được quy định tại Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018, Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước đến khi hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ đối với tỉnh Đồng Nai theo quy định.

3. Nghị quyết này thay thế các quy định về thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao được quy định tại các Nghị quyết

a) Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước Quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng và thu hút nhân lực chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

b) Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chính

sách khuyến khích, hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Bình Phước được ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa ..., Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ;
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đảng ủy, TTHĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Đồng Nai (đưa tin và đăng tải trên cổng thông tin điện tử);
- Công báo điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, PCTHĐND.

CHỦ TỊCH